

Tap chí

Kinh tế và Dự báo



Economy &
Forecast
Review

02/2025
Số đặc biệt

VIỆN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN - BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

ISSN 1859-4972



**Hoàn thiện thể chế
phát triển khoa học và công nghệ trong bối cảnh
chính phủ điện tử, chính phủ số ở Việt Nam**

Kinh tế và Dự báo

ECONOMY AND FORECAST REVIEW

CƠ QUAN
CỦA VIỆN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN,
BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯTổng Biên tập
ĐỖ THỊ PHƯƠNG LANPhó Tổng Biên tập
TRẦN THỊ THANH HÀ
PHÙNG THỊ PHƯƠNG ANHHội đồng Biên tập
GS. TS. PHẠM HỒNG CHƯƠNG
GS. TS. PHẠM BẢO DƯƠNG
GS. TS. TRẦN THỌ ĐẠT
PGS. TS. LÊ XUÂN ĐÌNH
TS. VƯƠNG QUÂN HOÀNG
GS. TS. NGÔ THẮNG LỢI
PGS. TS. TRẦN TRỌNG NGUYỄN
PGS. TS. BÙI HUY NHƯỢNG
TS. TRẦN HỒNG QUANG
TS. CAO VIỆT SINH
PGS. TS. NGUYỄN HỒNG SƠN
GS. TS. SỬ ĐÌNH THÀNHTòa soạn và trị sự
65 Văn Miếu - Đống Đa - Hà Nội
Tel: 080.43174 / 080.44474
Fax: 024.3747.3357
Email: kinhtedubao@mpi.gov.vn
Tạp chí điện tử
<http://kinhtedubao.vn>Quảng cáo và phát hành
Tel: 080.4474 / 0983 720 868
Qua mạng lưới Bưu điện Việt NamGiấy phép xuất bản: 477/GP-BTTTT
In tại: Công ty CP in Công đoàn Việt Nam

Giá 60.000 đồng

MỤC LỤC

CHIẾN LƯỢC - CHÍNH SÁCH

Trương Thị Mỹ Hạnh: Giải pháp hoàn thiện pháp luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.....	5
Nguyễn Thị Phương Nhung: Hoàn thiện quy định pháp luật về định giá tài sản góp vốn theo Luật Doanh nghiệp.....	9
Chu Thị Minh Thương: Phá sản doanh nghiệp theo quy định của Luật Phá sản: Những bất cập và giải pháp hoàn thiện.....	13
Bùi Thị Thanh Tinh: Thuận lợi và khó khăn đối với đơn vị hành chính sự nghiệp khi áp dụng chế độ kế toán theo Thông tư số 24/2024/TT-BTC.....	17
Nguyễn Thị Như Hà: Phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN thời kỳ đổi mới: Thành tựu và nguyên nhân.....	20
Ngô Thủy Quỳnh: Đổi mới đầu tư phát triển ở Việt Nam theo hướng hiệu quả hơn.....	24
Lương Ngọc Dung: Hoàn thiện thể chế phát triển khoa học và công nghệ trong bối cảnh chính phủ điện tử, chính phủ số ở Việt Nam.....	28

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

Phạm Thị Cẩm Vân, Trần Hải Yến, Nguyễn Thị Huệ: Tác động của đầu tư trực tiếp nước ngoài đến tăng trưởng kinh tế Việt Nam giai đoạn 2015-2023.....	32
Nguyễn Thị Hoa, Phạm Thị Thu Hồng: Quản lý rủi ro tài khóa: Hàm ý thông qua phân tích sai số trong dự báo thu NSNN.....	37
Trần Mạnh Hà: Dự báo biến động: Tổng quan về mô hình dự báo và đánh giá hiệu quả dự báo.....	42
Nguyễn Thị Quỳnh Phương, Trịnh Xuân Tùng, Nguyễn Lê Hà: Tác động của xuất khẩu lao động tới tăng trưởng kinh tế của Việt Nam.....	46
Đặng Thị Thanh Bình, Đỗ Thị Thanh Huyền: Ảnh hưởng của chất lượng thể chế đến năng suất lao động của các tỉnh thành ở Việt Nam.....	50
Nguyễn Minh Tuấn: “Tinh mơ” của thể chế kinh tế: Trường hợp nền kinh tế Việt Nam.....	54
Lê Thị Hân: Tác động của phát triển thị trường chứng khoán đến thị trường bất động sản tại Việt Nam.....	58
Nguyễn Thị Thu: Kinh tế biển xanh Việt Nam: Thực trạng và giải pháp.....	62
Phạm Thanh Hiền: Kỳ nguyên tiền số - Thực trạng và triển vọng.....	66
Nguyễn Mai Dung, Nguyễn Thị Huệ: Một vài vấn đề pháp lý đặt ra nhằm phát triển đô thị bền vững.....	71
Vũ Hiền Thương: Phát triển thương mại điện tử ở Việt Nam hiện nay: Thực trạng và giải pháp.....	75
Trần Mạnh Hưng: Phát triển nguồn nhân lực xanh tại các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Việt Nam nhằm đáp ứng mục tiêu phát triển bền vững.....	79
Nguyễn Thị Thu Hà, Nguyễn Thị Cẩm Anh, Phạm Thị Hương, Lê Phương Thảo: Đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP) trong lĩnh vực điện rác tại Việt Nam.....	83
Trần Thị Ngọc Anh: Thu hút FDI tại Việt Nam: Thực trạng và giải pháp.....	88
Đào Thị Mộng Phương: Xuất khẩu cá phê Việt Nam: Thực trạng và giải pháp.....	92
Nguyễn Thị Tuyết Mai, Nguyễn Thị Thu Huyền, Lê Thị Thương, Nông Thị Thanh Thảo, Nguyễn Đức Bình, Đàm Thị Thu Trang: Các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh các doanh nghiệp ngành xăng dầu niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam giai đoạn 2014-2023.....	96
Phạm Thị Thu Phương: Ảnh hưởng của hội đồng quản trị đến hiệu quả vốn trí tuệ tại các doanh nghiệp niêm yết ở Việt Nam.....	101
Hà Thị Thủy Quỳnh: Thách thức nhân lực ngành tài chính - ngân hàng trong giai đoạn chuyển đổi số.....	105
Nguyễn Trung Thủy Linh, Phùng Việt Long: Mối quan hệ giữa phong cách lãnh đạo với kết quả công việc của người lao động trong các ngân hàng thương mại có phân trên địa bàn Hà Nội.....	109
Phan Trí Tuấn Anh, Bùi Văn Trịnh: Xây dựng mô hình nghiên cứu cấu trúc vốn ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh thông qua đặc điểm nhà quản trị.....	114
Nguyễn Quang Minh, Nguyễn Trần Thanh Phương, Lê Ngọc Mai: Giải pháp giảm thiểu tác động của các biện pháp phòng vệ thương mại của Hoa Kỳ đối với hoạt động xuất khẩu của Việt Nam.....	118
Đỗ Thị Ý Nhi, Huỳnh Công Phượng, Phạm Thị Thanh Thủy: Đánh giá năng lực quản lý chuyển đổi số trong các DNNVV ở khu vực Đông Nam Bộ.....	122
Phạm Lê Phương Thảo: Phân tích đa chiều về năng lực xuất khẩu sản phẩm dừa tại Đồng bằng sông Cửu Long: Vai trò tích hợp của chất lượng, thương hiệu và môi trường kinh doanh.....	126
Tạ Dương Trà My, Bùi Cẩm Phương, Vũ Việt Anh: Các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển sản phẩm mới của các doanh nghiệp kinh doanh du lịch tại Hà Nội.....	130
Lại Hoàng Vinh Trinh, Lưu Tiến Thuận, Võ Khắc Thường: Xây dựng mô hình nghiên cứu ảnh hưởng CSR đến sự gắn kết với tổ chức của nhân viên tại các doanh nghiệp sản xuất, chế biến trên địa bàn TP. Cần Thơ.....	134
Phạm Ngọc Dương: Các yếu tố tác động đến quyết định khởi nghiệp của người dân tại tỉnh Đồng Tháp.....	137
Tăng Thị Hằng, Vũ Mai Ngọc: Du lịch ban đêm của TP. Hà Nội: Thực trạng và giải pháp phát triển bền vững.....	141
Nguyễn Đình Nghĩa: Xây dựng mô hình các yếu tố tác động đến năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp gồm sử dụng thị trường xuất khẩu.....	145
Phan Hồng Hải: Thúc đẩy phát triển tài chính xanh ở Việt Nam hiện nay.....	150
Lê Thanh Hà, Nguyễn Văn Tân, Nguyễn Văn Đạt: Vai trò trung gian sự gắn bó nhân viên và sự tham gia cộng đồng trong tác động của tính bền vững doanh nghiệp đến hiệu quả hoạt động tại các doanh nghiệp cá phê ở Tây Nguyên.....	153
Uông Thị Ngọc Lan: Nhận diện nhu cầu vay vốn của các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo tại Vùng Đồng bằng sông Hồng.....	158
Vũ Thế Việt, Phạm Thị Minh Lan: Lệnh pha cung cầu trong thị trường nhà ở: Hiện trạng và giải pháp.....	162
Mai Thùy Linh: Kiểm tra thuế đối với hoạt động kinh doanh thương mại điện tử: Trường hợp nghiên cứu tại tỉnh Bắc Giang.....	165
Nguyễn Thị Mây: Mô hình nghiên cứu các nhân tố tác động đến động lực làm việc của người lao động tại Tổng Công ty Viglacera - CTCP.....	169
Lê Thị Thu Giang, Vũ Thị Phương Diệu, Ngô Thị Trang, Lưu Huyền Trang, Trịnh Thị Kim Chi, Giáp Thị Hồng Vân, Trịnh Thị Hương: Nhận thức về quyền riêng tư dữ liệu khi sử dụng mạng xã hội của Gen Z trên địa bàn TP. Hà Nội.....	173
Phan Hương Thảo, Trần Việt Thảo, Nguyễn Đức Mạnh, Trần Mai Trang: Mô hình đề xuất các yếu tố ảnh hưởng tới việc sử dụng xe điện hướng đến thực hiện mục tiêu phát triển bền vững tại Việt Nam.....	178
Bùi Thanh Tùng: Tác động của chuyển đổi số vào hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp nông nghiệp tại tỉnh Bình Phước.....	182
Phan Ngọc Thanh: Các yếu tố tác động đến chiến lược đường tâm của lãnh đạo doanh nghiệp: Trường hợp nghiên cứu tại TP. Hồ Chí Minh.....	185

Kinh tế và Dự báo

ECONOMY AND FORECAST REVIEW

MỤC LỤC

CƠ QUAN
CỦA VIỆN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN,
BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Tổng Biên tập
ĐỖ THỊ PHƯƠNG LAN

Phó Tổng Biên tập
TRẦN THỊ THANH HÀ
PHÙNG THỊ PHƯƠNG ANH

Hội đồng Biên tập
GS. TS. PHẠM HỒNG CHƯỜNG
GS. TS. PHẠM BẢO DƯƠNG
GS. TS. TRẦN THỌ ĐẠT
PGS. TS. LÊ XUÂN ĐÌNH
TS. VƯƠNG QUÂN HOÀNG
GS. TS. NGÔ THẮNG LỢI
PGS. TS. TRẦN TRỌNG NGUYỄN
PGS. TS. BÙI HUY NHƯỢNG
TS. TRẦN HỒNG QUANG
TS. CAO VIỆT SINH
PGS. TS. NGUYỄN HỒNG SƠN
GS. TS. SỬ ĐÌNH THÀNH

Tòa soạn và trị sự
65 Văn Miếu - Đống Đa - Hà Nội
Tel: 080.43174 / 080.44474
Fax: 024.3747.3357
Email: kinhhtedubao@mpi.gov.vn
Tạp chí điện tử
<http://kinhtevadubao.vn>

Quảng cáo và phát hành
Tel: 080.4474 / 0983 720 868
Qua mạng lưới Bưu điện Việt Nam

Giấy phép xuất bản: 477/GP-BTTTT
In tại: Công ty CP in Công đoàn Việt Nam

Giá 60.000 đồng

Ngô Đức Tiến: Ảnh hưởng của tiền kỹ thuật số do ngân hàng trung ương phát hành đối với nền kinh tế ở mỗi quốc gia	189
Phạm Văn Duy: Thực trạng liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm cây dược liệu theo chuỗi giá trị trên địa bàn tỉnh Yên Bái	193
Phan Tấn Lực: Nhận diện các tín hiệu dự báo khả năng thành công của dự án gọi vốn cộng đồng dựa trên phân thưởng	198
Lưu Minh Vũ, Đặng Văn Thạc: Mô hình nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi xanh của nhân viên tại các doanh nghiệp Việt Nam	202
Nguyễn Hồng Vân, Nguyễn Danh Hậu, Bùi Thanh Định, Lê Thị Hồng Hà, Nguyễn Tuấn Anh: Ý định tham gia vào cụm liên kết công nghiệp xanh: Vai trò điều tiết của tham vọng sinh lời	206
Lê Thị Đông: Cơ hội và thách thức phát triển các nền tảng thanh toán số tại Việt Nam	211
Lê Hoàng Quỳnh: Hệ thống rào cản kỹ thuật của thị trường Hoa Kỳ đối với xuất khẩu thủy sản Việt Nam và các giải pháp ứng phó	214
Đào Thu Hà: Nâng cao hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp logistics trên sàn chứng khoán Việt Nam	218
Trần Ngọc Mai: Trách nhiệm xã hội và tài chính toàn diện: Góc nhìn từ ngành ngân hàng Việt Nam ..	222
Nguyễn Văn Hà, Nguyễn Minh Đức, Vũ Mai Linh, Phạm Hải Anh, Bùi Thùy Dương, Nguyễn Thảo Trang, Nguyễn Đức Lợi: Tác động của lãnh đạo thương hiệu đến ý định gọi xe công nghệ và ý định sử dụng taxi truyền thống tại Việt Nam	226
Ngô Hải Phong, Tạ Thị Đào: Nâng cao giá trị thương hiệu của TNS Holdings	230
Mai Tiên Tú: Ảnh hưởng của các nhân tố đến phát triển kinh tế làng nghề trên địa bàn tỉnh Nam Định	234
Nguyễn Huỳnh Mai Xuân, Nguyễn Quyết Thắng: Tổng hợp nghiên cứu về việc làm thỏa đáng ngành du lịch khách sạn: Phân tích trắc lượng thư mục	238
Phạm Thu Hằng: Nâng cao hiệu quả giảm nghèo từ mô hình hợp tác xã ở Việt Nam	243
Bùi Thị Kim Thoa: Thanh tra và xử lý vi phạm an toàn, vệ sinh lao động ở Việt Nam	247
Nguyễn Thị Thanh Nga: Tiềm năng phát triển du lịch thiên văn của Việt Nam	251
Lê Thị Kim Triệu: Một số đề xuất cho các doanh nghiệp nhằm chuyển đổi thành công từ các chuẩn mực kế toán Việt Nam sang IFRS	255
Nguyễn Thị Anh Đào, Nguyễn Bích Hồng: Mô hình du lịch cộng đồng theo hướng kinh tế tuần hoàn tại huyện Mèo Vạc, tỉnh Hà Giang	258
Hà Việt Dũng, Phan Trung Kiên, Phạm Thành Nam, Nguyễn Khánh Ly, Phạm Minh Bảo Ngọc: Các nhân tố ảnh hưởng đến việc dùng phân bón từ phụ phẩm hướng tới nền kinh tế tuần hoàn ..	262
Nguyễn Huệ Minh, Lê Thanh Nghị, Đặng Văn Thạc: Lựa chọn nhà cung cấp cho chuỗi cung ứng xanh trong doanh nghiệp may mặc tại Việt Nam	266
Vũ Xuân Thủy, Đặng Khánh Linh, Nguyễn Thu Huyền: Các yếu tố tác động đến tỷ lệ nắm giữ tiền mặt của các doanh nghiệp bất động sản niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam trong bối cảnh chuyển đổi số	270
Nguyễn Xuân Minh, Lê Huỳnh Yến Nhi, Nguyễn Xuân Viễn: Các nhân tố ảnh hưởng đến xuất khẩu rau quả Việt Nam sang thị trường một số quốc gia châu Á	275
Nguyễn Thị Hồng: Mô hình nghiên cứu mối quan hệ giữa quản trị doanh nghiệp và hiệu quả tài chính	280
Nguyễn Tiến Lợi, Phạm Văn Tuấn, Nguyễn Thị Kim Dung: Quyết định lựa chọn xe máy điện của người dân trên địa bàn TP. Hà Nội: Định hướng và giải pháp	284
Đỗ Thị Bích Ngọc, Phan Anh Tuấn: Tác động của phong cách lãnh đạo trao quyền đến kết quả làm việc của nhân viên tại các doanh nghiệp logistics trên địa bàn TP. Hải Phòng	288
Nguyễn Bảo Ngọc, Nguyễn Hoàng Nam: Các nhân tố ảnh hưởng đến hành vi mua sản phẩm nông sản hữu cơ của người tiêu dùng tại một số cửa hàng thực phẩm sạch trên địa bàn TP. Hà Nội	292
Thái Thị Phương, Đoàn Ngọc Xuân, Trần Ngọc Hùng: Các nhân tố ảnh hưởng đến sự tuân thủ thuế thu nhập doanh nghiệp của các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại tỉnh Bình Dương	296
Lê Duy Hải: Thực trạng và giải pháp phát triển thực tế tăng cường (Augmented Reality) trong ngành thời trang tại Việt Nam	300
Lê Thanh Hải: Mối quan hệ giữa môi trường kinh tế vĩ mô và chuyển dịch cơ cấu tín dụng tại BIDV ..	303
Nguyễn Hương Giang, Nguyễn Thị Thu Hà: Mô hình nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến việc ứng dụng marketing trực tuyến của các khách sạn trên địa bàn Hà Nội	307
Ngọc Thị Phương Mai: Mô hình nghiên cứu sự hài lòng của khách hàng với nhà hàng buffet chay ..	311
Lê Thu Hạnh, Đỗ Phúc Anh Tuấn: Ảnh hưởng của văn hóa doanh nghiệp đến cam kết gắn bó với ngân hàng của cán bộ nhân viên: Nghiên cứu tại Agribank Hà Nội	315
Huỳnh Thị Xuân Thủy, Nguyễn Văn Chiến: Vốn lưu động và hiệu quả kinh doanh: Bằng chứng thực nghiệm tại ngành bán lẻ và hàm ý quản trị	319
Triệu Đình Phương: Hệ thống sản xuất thông minh: Tiềm năng và thách thức	323
Đào Cẩm Thủy, Nguyễn Trung Hiếu, Trần Hoàng Long, Nguyễn Thị Hồng Ngân: Nhận diện thương hiệu của các doanh nghiệp mới gia nhập ngành F&B: Nghiên cứu tại chuỗi Café Thứ Sáu ..	327
Nguyễn Văn Điền: Phát triển thị trường trái phiếu xanh ở Việt Nam hiện nay	331
Nguyễn Thị Kim Nguyên, Nguyễn Linh Quỳnh Ngân: Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước ở các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Hải Dương	334
Nguyễn Ngọc Lan: Chính sách thuế góp phần thúc đẩy tăng trưởng xanh và phát triển bền vững ..	338
Đỗ Thị Ngân: Thành tựu hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam và một số đề xuất trong thời gian tới	341
Nguyễn Thị Phương Anh, Bùi Văn Phương: Du lịch làng nghề tại Hội An: Một số vấn đề đặt ra và đề xuất giải pháp trong thời gian tới	347
Vũ Thị Kim Oanh: Kinh nghiệm quốc tế về quản trị rủi ro tập trung tín dụng: Một số khuyến nghị cho các ngân hàng thương mại Việt Nam	351
Nguyễn Thu Quỳnh: Phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam hiện nay: Thách thức đặt ra và một số giải pháp	356
Hoàng Hà Anh, Vũ Dạ Thảo: Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định thay đổi sinh kế nông nghiệp sang sinh kế phi nông nghiệp tại huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai	359
Bùi Thị Linh: Đề xuất mô hình nghiên cứu ảnh hưởng của chất lượng thông tin truyền miệng điện tử đến ý định mua dịch vụ lưu trú	363
Tạ Anh Sơn, Hoàng Hương Giang, Nguyễn Thị Vi: Thực trạng trình độ và năng lực công nghệ của các doanh nghiệp công nghiệp trên địa bàn Hà Nội	367
Aliyavan Chanthasith: Thực trạng đảm bảo lợi ích của người dân có đất bị thu hồi để phát triển công nghiệp ở Thủ đô Viêng Chăn, CHDCND Lào	373

Kinh tế và Dự báo

ECONOMY AND FORECAST REVIEW

MỤC LỤC

CƠ QUAN
CỦA VIỆN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN,
BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Tổng Biên tập

ĐỖ THỊ PHƯƠNG LAN

Phó Tổng Biên tập

TRẦN THỊ THANH HÀ

PHÙNG THỊ PHƯƠNG ANH

Hội đồng Biên tập

GS. TS. PHẠM HỒNG CHƯƠNG

GS. TS. PHẠM BẢO DƯƠNG

GS. TS. TRẦN THỌ ĐẠT

PGS. TS. LÊ XUÂN ĐÌNH

TS. VƯƠNG QUÂN HOÀNG

GS. TS. NGÔ THẮNG LỢI

PGS. TS. TRẦN TRỌNG NGUYỄN

PGS. TS. BÙI HUY NHƯỢNG

TS. TRẦN HỒNG QUANG

TS. CAO VIẾT SINH

PGS. TS. NGUYỄN HỒNG SƠN

GS. TS. SỬ ĐÌNH THÀNH

Tòa soạn và trị sự

65 Văn Miếu - Đống Đa - Hà Nội

Tel: 080.43174 / 080.44474

Fax: 024.3747.3357

Email: kinhtedubao@mpi.gov.vn

Tạp chí điện tử

<http://kinhtevadubao.vn>

Quảng cáo và phát hành

Tel: 080.4474 / 0983 720 868

Qua mạng lưới Bưu điện Việt Nam

Giấy phép xuất bản: 477/GP-BTTTT

In tại: Công ty CP in Công đoàn Việt Nam

Giá 60.000 đồng

Lương Thị Dinh: Quản lý thuế đối với kinh doanh thương mại điện tử: Thực trạng và giải pháp	377
Hoàng Thị Hương Giang, Nguyễn Thị Thùy Linh: Xu hướng marketing xanh của các doanh nghiệp Việt Nam: Cơ hội, thách thức và giải pháp đề xuất	381
Nguyễn Hải Hà: Thực trạng thu thập thông tin kế toán quản trị cho việc ra quyết định ngắn hạn trong các doanh nghiệp may mặc tại Việt Nam	385
Nguyễn Thị Lan Anh: Quản trị rủi ro tín dụng ở các ngân hàng thương mại Việt Nam hiện nay	388
Vũ Quốc Hưng, Chu Bình Minh: Nghiên cứu các yếu tố sẵn có góp phần tạo nên thành công và xu hướng phát triển của các nhà cung cấp dịch vụ logistics bên thứ ba tại Việt Nam	392
Nguyễn Thanh Tùng, Lương Đức Bằng: Kiểm toán năng lực chuyên hóa hướng tới mục tiêu kép: Nghiên cứu điển hình tại một doanh nghiệp sản xuất phụ tùng xe máy ở Việt Nam	396
Nguyễn Thị Nga: Phát triển bền vững ngành thủy sản tại tỉnh Nam Định trong bối cảnh công nghiệp hóa	400
Nguyễn Thành Duy: Phát triển nguồn nhân lực khoa học, công nghệ phục vụ đổi mới, sáng tạo trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng	403
Trịnh Thị Lan Anh, Vũ Thị Thu Hằng: Giải pháp tăng cường xuất khẩu của Việt Nam vào Israel sau khi thực thi VIFTA	406
Nguyễn Thị Thanh: Tác động của chính sách tăng trưởng tín dụng của Ngân hàng Nhà nước đến vốn vay của doanh nghiệp Việt Nam	410
Lưu Thu Hương: Giải pháp giảm thiểu rủi ro tín dụng đầu tư tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam	413
Nguyễn Thị Ngân, Nguyễn Duy Thiên, Hà Thị Huyền Như, Nguyễn Thị Thảo, Nguyễn Thị Yên: Đầu tư lồng ghép làng kinh giới ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh: Bằng chứng thực nghiệm tại các công ty chứng khoán Việt Nam	416
Trần Trọng Đức, Nguyễn Quang Hiếu, Phạm Thị Thanh Vân, Lê Thanh Tâm, Nguyễn Huỳnh Thái An, Nguyễn Tuệ Lâm: Áp dụng logistics xanh trong thương mại điện tử tại Việt Nam: Yếu tố ảnh hưởng và hiệu quả tác động	420
Nguyễn Phương Lê, Lê Thị Thanh Loan, Nguyễn Thanh Phong, Nguyễn Thị Thiêm: Hoàn thiện chính sách phát triển giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn TP. Hà Nội	424
Ngô Thanh Sơn: Hoàn thiện công tác phân tích báo cáo tài chính tại VNPT Điện Biên	427
Lê Thị Dung: Thực trạng và giải pháp cải thiện chính sách hỗ trợ tài chính cho các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo tại Việt Nam	430
Lê Thị Kim Chung, Nông Thị Mai, Đinh Thị Anh Nguyệt, Vũ Minh Ngân: Tỷ giá hối đoái thực đa phương và sức cạnh tranh thương mại quốc tế của Việt Nam	433
Phạm Đình Dân: Nghiên cứu về tính xác thực của một thương hiệu giúp củng cố niềm tin và sự trung thành với thương hiệu của khách hàng Gen Z	437
Nguyễn Duy Tân: Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả công việc của nhân viên các ngân hàng thương mại trên địa bàn tỉnh Tiền Giang	441
Trần Hồng Ngọc: Y định từ bỏ giỏ hàng trong bối cảnh định giá đa kênh	445
Chu Mạnh Côn, Bùi Tiến Phúc, Nguyễn Đức Lượng: Giải pháp phát triển doanh nghiệp ngành công nghiệp chế biến, chế tạo ở tỉnh Hưng Yên	449
Phùng Thị Lan Hương: Phát triển của công nghệ tại chính trị Việt Nam: Thực trạng và giải pháp	453
Nguyễn Thị Cẩm Phức: Các yếu tố ảnh hưởng đến chia sẻ tri thức của nhân viên các ngân hàng thương mại có phân TP. Hồ Chí Minh	457
Nguyễn Nữ Tường Vi: Xây dựng mô hình ảnh hưởng của giao tiếp nội bộ đến sự gắn kết của nhân tài trong doanh nghiệp	461
Nguyễn Thị Mỹ Dung, Lê Đình Nghi: Các yếu tố tác động đến sự hài lòng và lòng trung thành của khách hàng khi mua xe Mitsubishi tại TP. Hồ Chí Minh	465
Trần Minh Trí, Lê Minh Thông: Phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo tại tỉnh Quảng Ninh trong bối cảnh hiện nay	469
Bùi Anh Dũng, Nguyễn Đăng Huy Vũ, Liên Kiên Quốc, Nguyễn Tuấn Khoa, Lê Kim Nguyên: Phát triển mô hình quyết định chọn trường đại học tư thục của tân sinh viên Việt Nam	473
Trần Thu Phương, Mạnh Hoàng Hải, Bùi Hoàng Hùng, Phương Hữu Tùng: Tác động của giáo dục khởi nghiệp đến ý định khởi nghiệp của sinh viên đại học: Khảo sát tại Đại học Quốc gia Hà Nội	476
Võ Thị Thùy Dương: Tổng hợp tác động của quản lý chuỗi một số cung ứng đến hiệu quả kinh doanh và nghiên cứu trường hợp thực nghiệm	480
Trà Thị Thảo, Nguyễn Duy Phương: Ảnh hưởng của hình ảnh thương hiệu đến sự hài lòng của khách hàng: Nghiên cứu ngành thức ăn nhanh tại Việt Nam	484
Phạm Thị Oanh: Đẩy mạnh hình thức thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào tỉnh Bình Dương	488
Dương Thị Thu Hương: TP. Hồ Chí Minh đẩy mạnh phát triển du lịch theo hướng bền vững	491
Lê Thanh Tùng: Giải pháp phát triển dịch vụ logistics trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	494
Lương Thị Quỳnh Mai, Thái Thị Kim Oanh, Lê Vũ Sao Ma, Trần Thị Hồng Lam, Nguyễn Mai Hương, Trần Thị Thanh Tâm, Cao Thị Thanh Vân, Nguyễn Thị Bích Liên, Trần Thị Thanh Thủy, Nguyễn Thị Tiệp: Kinh nghiệm thu hút đầu tư vào khu công nghiệp, khu kinh tế và bài học cho các tỉnh vùng Bắc Trung Bộ	497
Đặng Thành Thức, Bùi Trọng Tiến Bảo, Quyền Đình Hà, Nguyễn Thị Minh Hiền: Các nhân tố chính ảnh hưởng đến sự phát triển du lịch làng nghề tại tỉnh Bình Định	501
Nguyễn Hồng Thu: Bàn luận về các rào cản trong chuyển đổi số tại các doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ ở nước ta hiện nay	505
Đào Lương Bình, Đỗ Ngân Hương: Các nhân tố ảnh hưởng đến năng lực đội ngũ quản lý cấp trung trong doanh nghiệp Hàn Quốc tại Khu công nghiệp Bắc Thiện II, tỉnh Vĩnh Phúc	509
Nguyễn Thị Cẩm Vân: Đầu tư trực tiếp nước ngoài vào lĩnh vực năng lượng tái tạo ở Việt Nam: Thực trạng và đề xuất chính sách	513
Nguyễn Thị Thanh Tâm: Ảnh hưởng của khả năng gian lận báo cáo tài chính đến chênh lệch lợi nhuận trước và sau kiểm toán của các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam	517
Nguyễn Thị Thu Thương, Nguyễn Thị Thủy Vân, Ngô Thị Mỹ, Nguyễn Thị Phương Hào, Dương Thị Nhung: Hiệu ứng lần át của chi tiêu cho rượu, bia tại vùng Trung du và miền núi phía Bắc	522
Trần Quang Phú, Hồ Văn Lợi, Hoàng Dương, Bùi Quốc An: Mô hình dự báo nhu cầu vận tải và logistics trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk theo hướng hiện đại và bền vững	526
Đào Thu Hà: Xu hướng hợp tác giữa ngân hàng với các công ty Fintech tại Việt Nam trong cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0	530
Chu Việt Cường: Một số giải pháp hoàn thiện quản lý chi thường xuyên ngân sách nhà nước trên địa bàn TP. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh	534

Kinh tế và Dự báo

ECONOMY AND FORECAST REVIEW

MỤC LỤC

CƠ QUAN
CỦA VIỆN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN,
BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Tổng Biên tập
ĐỖ THỊ PHƯƠNG LAN

Phó Tổng Biên tập
TRẦN THỊ THANH HÀ
PHÙNG THỊ PHƯƠNG ANH

Hội đồng Biên tập
GS. TS. PHẠM HỒNG CHƯƠNG
GS. TS. PHẠM BẢO DƯƠNG
GS. TS. TRẦN THỌ ĐẠT
PGS. TS. LÊ XUÂN ĐÌNH
TS. VƯƠNG QUÂN HOÀNG
GS. TS. NGÔ THẮNG LỢI
PGS. TS. TRẦN TRỌNG NGUYỄN
PGS. TS. BÙI HUY NHƯỢNG
TS. TRẦN HỒNG QUANG
TS. CAO VIỆT SINH
PGS. TS. NGUYỄN HỒNG SƠN
GS. TS. SỬ ĐÌNH THÀNH

Tòa soạn và trị sự
65 Văn Miếu - Đống Đa - Hà Nội
Tel: 080.43174 / 080.44474
Fax: 024.3747.3357
Email: kinhtedubao@mpi.gov.vn
Tạp chí điện tử
http://kinhtevadubao.vn

Quảng cáo và phát hành
Tel: 080.4474 / 0983 720 868
Qua mạng lưới Bưu điện Việt Nam

Giấy phép xuất bản: 477/GP-BTTTT
In tại: Công ty CP in Công đoàn Việt Nam

Giá 60.000 đồng

Trương Ngọc Phong, Phạm Thành Thái, Võ Đình Quyết, Vũ Thị Hoa: Các nhân tố ảnh hưởng đến ý định mua thực phẩm cận chuẩn của người tiêu dùng	537
Phạm Thị Thanh Huyền, Đỗ Lý Hương Linh, Tống Quyết Chiến, Trương Quỳnh Mai, Nguyễn Phú Thành: Các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng phục hồi của doanh nghiệp du lịch sau thiên tai	541
Trần Đình Lộc: Mối quan hệ hợp tác giữa trường đại học, chính quyền và doanh nghiệp trong xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp của sinh viên tỉnh Thanh Hóa	545
Lê Lương Hiếu, Nguyễn Duy Thực, Bùi Hồng Điệp: Yếu tố ảnh hưởng đến năng lực cạnh tranh của dự án khởi nghiệp tại Việt Nam	549
Nguyễn Duy Quý, Lê Bình Phương: Phát triển khu kinh tế chuyên biệt và khu công nghiệp sinh thái tỉnh Hải Dương: Tiềm năng và giải pháp phát triển	553
Nguyễn Thị Thu Huyền: Đánh giá vai trò nhà nước trong phát triển cụm liên kết ngành dệt may ở Việt Nam và một số giải pháp hoàn thiện	557
Lương Minh Đức: Vai trò của thuế thu nhập doanh nghiệp trong sự phát triển kinh tế tại TP. Hồ Chí Minh	561
Phạm Công Độ: Các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của khách hàng cá nhân về chất lượng dịch vụ tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Dân - Chi nhánh Bình Dương	565
Phan Ngô Tuấn Ngọc: Phát triển hệ thống giao thông đường bộ vùng Tây Nam Bộ: Hiện trạng và giải pháp	569
Nguyễn Thị Thanh Vân, Trịnh Hoàng Nam: Các nhân tố tác động đến tài sản thương hiệu ô tô, qua trung gian của trải nghiệm thương hiệu	573
Nguyễn Thị Yên, Trần Minh Trang: Triển khai bộ tiêu chuẩn môi trường, xã hội và quản trị (ESG) hướng đến phát triển bền vững tại Việt Nam	577
Nguyễn Hữu Tuấn, Nguyễn Văn Tiến: Các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của du khách thông qua sự cảm nhận về chất lượng dịch vụ du lịch tại tỉnh Ninh Thuận	581
Nguyễn Văn Nhung: Tác động của công nghệ Blockchain đến hiệu quả vận hành chuỗi cung ứng trong ngành logistics tại Việt Nam	585
Bùi Thị Xuân: Vai trò trung gian của sự cam kết với tổ chức trong mối quan hệ giữa tác động của vốn tâm lý nhân viên đến năng lực đổi mới sáng tạo của các doanh nghiệp xã hội Việt Nam	589
Bùi Thị Phương, Nguyễn Thị Thu Hà: Nhân tố ảnh hưởng tới việc áp dụng kế toán quản trị chi phí tại các doanh nghiệp văn tại biên trên địa bàn TP. Hải Phòng	593
Nguyễn Duy Phương, Bùi Thành Khoa, Nguyễn Minh Tuấn: Ảnh hưởng của Hội chứng sợ bỏ lỡ (FoMO) đến hành vi mua hàng trên mạng xã hội của Thế hệ Z: Góc nhìn tâm lý và kinh tế	597
Nguyễn Ngọc Tú Vân, Đặng Thị Minh Thư: Các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng kiệt quệ tài chính của các doanh nghiệp ngành vật liệu xây dựng niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam	601
Vũ Thị Vân, Phạm Thị Anh Nguyệt, Lại Phương Mai: Nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Thái Bình	605
Nguyễn Văn Hùng: Hiệu quả tài chính của các doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ ở Việt Nam	609
Nguyễn Thị Hương Lan, Nguyễn Thị Phương Anh: Phát triển hoạt động truyền thông đa phương tiện tại Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam - VNPost	613
Huỳnh Anh Nga: Thực trạng nợ xấu của các ngân hàng thương mại cổ phần ở Việt Nam kể từ năm 2010 đến nay và khuyến nghị giải pháp	617
Lê Thị Hằng: Nâng cao năng lực của giáo viên dạy nghề tại các trường trung cấp trên địa bàn tỉnh Nam Định	621
Phan Thị Minh Phương: Thực trạng kiểm soát nội bộ chu trình mua hàng thanh toán tại các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh	625
Phạm Thị Tân: Giải pháp phát triển liên kết chăn nuôi lợn đen bản địa trên địa bàn huyện Đà Bắc, tỉnh Hòa Bình	629
Vũ Thị Thương: Nghiên cứu thực trạng và giải pháp tạo quỹ đất phục vụ phát triển kinh tế - xã hội huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La	633
Nguyễn Nhật Khánh Uyên: Tác động của chất lượng dịch vụ E-logistics sau mua tới sự hài lòng và lòng trung thành của khách hàng khi mua sắm trên các sàn thương mại điện tử	637
Nguyễn Nam Khoa: Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến ý định mua hàng trực tuyến của người tiêu dùng tại tỉnh Bình Dương	641
Nguyễn Thị Quỳnh Nga, Nguyễn Thanh Huyền: Hành vi mua sắm online và sự bùng nổ sau đại dịch Covid-19	645
Nguyễn Hoài Nam: Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động chuỗi cung ứng sản phẩm chè tại tỉnh Lâm Đồng	649
Nguyễn Anh Sơn: Đánh giá sự hài lòng của người dân và các hàm ý chính sách nâng cao chất lượng dịch vụ hành chính công trên địa bàn tỉnh Sơn La	652
Trần Ngọc Trang, Nguyễn Thị Thủy Hiền, Lê Ngọc Hân, Hoàng Việt Hà, Phạm Thị Tuyết Đào, Lê Thị Hải Dung: Yếu tố ảnh hưởng đến quyết định mua hàng trên sàn thương mại điện tử Shopee của sinh viên tại TP. Hà Nội	656
Nguyễn Thị Ninh: Trao đổi về tác động của việc áp dụng chuẩn mực kế toán công Việt Nam đến chất lượng báo cáo tài chính khu vực công	661
Bùi Cẩm Phương, Lê Tuấn Đạt: Ứng dụng thương mại điện tử vào trong phát triển du lịch cộng đồng tại huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái, Việt Nam	665
Lê Thị Thu Mai, Vương Thị Cẩm Tú, Đỗ Ngọc Phong, Kim Trang My, Ung Châu Anh, Nguyễn Thúy Hiền: Vai trò của thái độ người tiêu dùng đối với ý định sử dụng phương tiện giao thông xanh	670
Phùng Đức Thiện: Mối quan hệ giữa phong cách lãnh đạo và sự hài lòng công việc của người lao động trong các khách sạn ở Việt Nam	675
Nguyễn Thị Thanh Thủy, Nguyễn Thị Hải Ninh, Nguyễn Thị Thủy: Giải pháp hoàn thiện công tác quản trị nhân lực tại Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Tam Điệp, thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình	680
Nguyễn Thanh Hùng, Trần Vũ Toàn: Nâng cao công tác đào tạo nghề đối với lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh Kiên Giang	684
Nguyễn Thế Hùng, Nguyễn Thị Huệ, Nguyễn Duy Đông: Thực trạng tự chủ đại học và một số khuyến nghị đối với các cơ sở giáo dục đại học hướng tới cơ chế tự chủ	688
Nguyễn Đức Hiền, Lê Xuân Mai, Nguyễn Tiên An, Nguyễn Quỳnh Trang, Nguyễn Bình Minh: Các yếu tố tác động đến cảm xúc của sinh viên khi chọn học tại quán cà phê, nghiên cứu trên địa bàn Hà Nội	693
Nguyễn Thị Hằng: Các yếu tố tác động đến quyết định chọn học đại học tại Trường Đại học Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh	697
Trương Tuấn Linh, Nguyễn Thị Thanh Huyền: Nghiên cứu sự ảnh hưởng của ChatGPT đến kết quả học tập của sinh viên	701

Kinh tế và Dự báo

ECONOMY AND FORECAST REVIEW

MỤC LỤC

CƠ QUAN
CỦA VIỆN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN,
BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Tổng Biên tập
ĐỖ THỊ PHƯƠNG LAN

Phó Tổng Biên tập
TRẦN THỊ THANH HÀ
PHÙNG THỊ PHƯƠNG ANH

Hội đồng Biên tập
GS. TS. PHẠM HỒNG CHƯỜNG
GS. TS. PHẠM BẢO DƯƠNG
GS. TS. TRẦN THỌ ĐẠT
PGS. TS. LÊ XUÂN ĐÌNH
TS. VƯƠNG QUÂN HOÀNG
GS. TS. NGÔ THẮNG LỢI
PGS. TS. TRẦN TRỌNG NGUYỄN
PGS. TS. BÙI HUY NHƯỢNG
TS. TRẦN HỒNG QUANG
TS. CAO VIẾT SINH
PGS. TS. NGUYỄN HỒNG SƠN
GS. TS. SỬ ĐÌNH THÀNH

Tòa soạn và trị sự
65 Văn Miếu - Đống Đa - Hà Nội
Tel: 080.43174 / 080.44474

Fax: 024.3747.3357

Email: kinhtedubao@mpi.gov.vn

Tạp chí điện tử

http://kinhtevadubao.vn

Quảng cáo và phát hành

Tel: 080.4474 / 0983 720 868

Qua mạng lưới Bưu điện Việt Nam

Giấy phép xuất bản: 477/GP-BTTTT

In tại: Công ty CP in Công đoàn Việt Nam

Giá 60.000 đồng

Nguyễn Văn Hương: Phát triển nhân lực nhằm nâng cao chất lượng đào tạo tại Khoa Kinh tế, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên	705
Đỗ Thu Hương, Phạm Văn Hồng, Trương Đức Thao: Các yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên: Trường hợp các trường đại học tự thục Việt Nam	709
Hồ Nhựt Quang, Phạm Hồng Ngọc: Đề xuất và khuyến nghị chính sách nhằm nâng cao động lực cho sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học tại Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh	714
Phạm Thị Mỹ Dung, Nguyễn Khánh Linh Linh, Nguyễn Chí Hiếu, Trần Lê Lam Vy: Tác động của việc nhận diện nhà tài trợ cho các cuộc thi sinh viên đến ý định ứng tuyển của sinh viên khởi kinh tế tại Hà Nội	718
Hoàng Hương Giang, Thái Bích Ngọc, Đinh Xuân Hữu Thành, Đặng Phương Linh, Nguyễn Thị Thư, Vũ Nguyễn Văn Khánh: Ảnh hưởng của định kiến giới đến lựa chọn ngành học đại học của sinh viên trên địa bàn TP. Hà Nội	722
Tô Thị Vân Anh, Nguyễn Nữ Ngọc Diệp, Nguyễn Thị Di An, Nguyễn Thị Như, Nguyễn Thị Thủy: Nghiên cứu ảnh hưởng của yếu tố trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp đến quyết định lựa chọn nơi làm việc của sinh viên trên địa bàn Hà Nội	726
Nguyễn Thị Lan Chi, Nguyễn Thị Kim Thoại, Dương Thị Viên An, Nguyễn Tuấn Khoa: Phát triển mô hình các phân tử ảnh hưởng đến sự hài lòng của sinh viên khởi ngành kinh tế Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh về chất lượng dịch vụ đào tạo	730
Trương Anh Tuấn: Vai trò của thực tiễn nguồn nhân lực đối với hiệu quả hoạt động của các ngân hàng thương mại tại TP. Hồ Chí Minh	733
Trần Kim Anh: Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ quản lý doanh nghiệp nhà nước	737
Nguyễn Thị Kim Loan, Huỳnh Thị Hương Thảo: Phát triển tài chính toàn diện tại các tổ chức tài chính vi mô chính thức ở Việt Nam	741
Nguyễn Thị Hương Quỳnh: Chuyển đổi số trong ngành logistics: Thuận lợi, khó khăn và giải pháp thúc đẩy	745
Hoàng Thủy Tiên, Nguyễn Quỳnh Chi, Nguyễn Thị Huyền Trang, Nguyễn Hà Mai Khanh, Nguyễn Ngô Phương Hà: Đề xuất mô hình quản trị tài sản thương hiệu theo hướng tiếp cận thương hiệu quốc gia: Nghiên cứu trường hợp thương hiệu Chè Thái Nguyên	749
Nguyễn Thị Thu Trang: Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định đầu tư tiền mã hóa của nhà đầu tư cá nhân tại TP. Hà Nội	754
Nguyễn Danh Nam: Nhận diện sự bất lợi của quá trình phát triển du lịch đối với chất lượng cuộc sống của cộng đồng dân cư khu vực miền núi phía Bắc	758
Trần Thu Thủy: Nghiên cứu thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài xanh vào Hà Tĩnh	762
Ngô Quang Duy, Nguyễn Ngọc Dũng: Du lịch Việt Nam: Nhìn lại năm 2024 và kỳ vọng năm 2025	766
Thái Thị Minh: Các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ đào tạo liên kết quốc tế tại Việt Nam: Nghiên cứu điển hình Đại học Quốc gia Hà Nội	770
Đỗ Thị Thu Hà: Nâng cao chất lượng thu thập thông tin và chăm sóc tín dụng đối với khách hàng cá nhân tại các ngân hàng thương mại Việt Nam	774
Hoàng Triều Hoa: Phát triển năng lượng tái tạo tại Việt Nam	778
Huỳnh Thị Thúy Giang, Trần Đăng Anh Tuấn: Các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp FDI ngành siêu thị bán lẻ trong nền kinh tế chia sẻ: Nghiên cứu tại TP. Hồ Chí Minh	782
Trần Thị Bích Trâm: Đo lường sự hài lòng của học sinh, sinh viên đối với chất lượng dịch vụ tại Khoa Du lịch - Thương mại, Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang	786
Hàn Huyền Hương, Nguyễn Thị Thủy, Nguyễn Thị Dương Nga: Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng tới việc thực hiện hoạt động logistics thu hồi của các doanh nghiệp tại TP. Hải Phòng	790
Tướng Quốc Công: Quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ ở TP. Hà Nội: Vấn đề đang đặt ra và giải pháp	794
Nguyễn Ngọc Quang, Lê Nguyễn Đoàn Khôi: Các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng nguồn nhân lực trong các doanh nghiệp du lịch lữ hành tại TP. Cần Thơ	798
Nguyễn Thị Thanh Huyền, Chu Thúy Quỳnh, Nguyễn Quý Dương, Đặng Kim Ngân, Nguyễn Cầm Nhung: Tác động của nhận thức về kinh tế tuần hoàn đến hành vi quản lý rác thải hữu cơ của tiêu thụ tại TP. Hà Nội	802
Lê Kim Anh: Bản vẽ kế toán quản trị chi phí môi trường tại các doanh nghiệp trong bối cảnh công nghệ số	806

THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM

Lâm Thị Thanh Huyền, Đinh Thị Hà, Lê Minh Tiến, Nguyễn Đại Dương: Đổi mới chương trình đào tạo thạc sĩ định giá tại các quốc gia Đông Nam Á	810
Lê Trọng Nghĩa: Kinh nghiệm quốc tế về thu hút FDI và bài học cho Việt Nam	814
Ngô Đình Tâm, Phước Minh Hiệp, Lâm Thị Mỹ La: Nhận thức rủi ro điều tiết mối quan hệ giữa nhu cầu thông tin, truyền miệng điện tử và ý định du lịch của du khách: Nghiên cứu tại các tỉnh Trung Trung Bộ	818
Trần Thị Bảo Khanh: Kinh nghiệm quốc tế về phát triển kinh tế tuần hoàn và hàm ý cho Việt Nam	823
Đặng Thùy Nhung: Kinh nghiệm phát triển tài sản tài chính xanh tại trung tâm tài chính quốc tế và bài học cho Việt Nam	827
Nguyễn Mai Quỳnh Anh, Lê Thị Thanh Huyền, Nguyễn Tiến Nhật: Ảnh hưởng của chất lượng dịch vụ ngân hàng điện tử đến sự hài lòng của khách hàng tại BIDV Chi nhánh Thừa Thiên Huế	830
Vũ Thị Diệp: Kế toán quản trị chi phí môi trường: Kinh nghiệm nước ngoài và giải pháp cho doanh nghiệp Việt Nam	833
Nguyễn Thị Ngân Hà, Dương Kim Hậu: Giải pháp phát triển sản phẩm OCOP của huyện Tam Bính, tỉnh Vĩnh Long	837
Nguyễn Hữu Tâm, Lê Kim Thanh: Nghiên cứu chuỗi giá trị sản phẩm chanh không hạt huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang	841
Nguyễn Thành Vũ, Triệu Anh Tuấn, Phạm Thị Thu Hoài: Quản lý đất nông trường trả ra trên địa bàn huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên	845
Nguyễn Thị Hạnh, Nguyễn Bùi Phương Anh: Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của Bệnh viện K Tân Triều	849
Vòng Thịnh Nam, Mai Văn Thành: Các nhân tố tác động đến sự phát triển hệ thống trung tâm logistics trên địa bàn tỉnh Long An	853
Hoàng Văn Chất, Bùi Thị Minh Nguyệt, Vũ Thành Nam, Cao Thị Hoài, Hoàng Xuân Hiếu: Phát triển sấm Ngọc Linh dưới tán rừng tỉnh Kom Tum giai đoạn 2015-2023: Thực trạng và giải pháp	857
Nguyễn Hồng Hà, Lê Thị Anh Tuyết: Phát triển nguồn nhân lực y tế tuyến huyện tại tỉnh Kiên Giang	861

Kinh nghiệm thu hút đầu tư vào khu công nghiệp, khu kinh tế và bài học cho các tỉnh vùng Bắc Trung Bộ¹

LUONG THỊ QUỲNH MAI*
THÁI THỊ KIM OANH**
LÊ VŨ SAO MAI***
TRẦN THỊ HỒNG LAM****
NGUYỄN MAI HƯỜNG*****
TRẦN THỊ THANH TÂM*****
CAO THỊ THANH VÂN*****
NGUYỄN THỊ BÍCH LIÊN*****
TRẦN THỊ THANH THỦY*****
NGUYỄN THỊ TIẾNG*****

Tóm tắt

Bài viết nghiên cứu kinh nghiệm thu hút đầu tư vào các khu công nghiệp (KCN) và khu kinh tế (KKT) ở trong và ngoài nước, đặc biệt là những bài học có giá trị đối với các tỉnh vùng Bắc Trung Bộ. Qua phân tích các yếu tố thành công tại một số nơi điển hình, bài viết đề xuất một số bài học kinh nghiệm nhằm nâng cao hiệu quả thu hút đầu tư vào KCN, KKT của các tỉnh vùng Bắc Trung Bộ.

Từ khóa: thu hút đầu tư, khu công nghiệp, khu kinh tế, Bắc Trung Bộ

Summary

The article studies the experience of attracting investment in industrial parks and economic zones at home and abroad, especially valuable lessons for the provinces in the North Central region. Through analyzing the success factors in some typical places, the article proposes some lessons to improve the effectiveness of attracting investment in industrial parks and economic zones of the provinces in the North Central region.

Keywords: investment attraction, industrial parks, economic zones, North Central region

ĐẶT VẤN ĐỀ

KCN và KKT đóng vai trò quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế của Việt Nam, góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo việc làm, gia tăng giá trị xuất khẩu và thu hút vốn đầu tư trong và ngoài nước. Đặc biệt, khu vực Bắc Trung Bộ, với vị trí địa lý chiến lược nằm trên hành lang kinh tế Đông Tây và tiếp giáp Biển Đông, có nhiều tiềm năng để phát triển các KCN và KKT nhằm tạo động lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội của Vùng.

Tuy nhiên, thực tiễn phát triển các KCN, KKT tại vùng Bắc Trung Bộ vẫn gặp nhiều khó khăn, như: cơ sở hạ tầng chưa đồng bộ, môi trường đầu tư chưa thực sự hấp dẫn, năng lực cạnh tranh của địa phương còn hạn chế. Bên cạnh đó, các tỉnh trong khu vực cũng phải đối mặt với sự cạnh tranh gay gắt từ các địa phương khác trong cả nước.

Trong bối cảnh này, việc nghiên cứu kinh nghiệm thu hút đầu tư vào KCN, KKT tại một số nơi điển hình và rút ra bài học phù hợp cho các tỉnh vùng Bắc Trung Bộ là một nhiệm vụ quan trọng.

KINH NGHIỆM THU HÚT ĐẦU TƯ VÀO KCN, KKT

Kinh nghiệm của Đặc khu kinh tế Thâm Quyển - Trung Quốc

Thâm Quyển, từ một thị trấn nhỏ với dân số khoảng 30.000 người vào năm 1980, đã trở thành một trong những thành phố phát triển nhất Trung Quốc. Sau 43 năm, với dân số hơn 20 triệu người và GDP xếp hạng thứ 3 chỉ sau Thượng Hải và Bắc Kinh. Năm 2023, GDP của Thâm Quyển đạt khoảng 491 tỷ USD, với tốc độ tăng trưởng kinh tế tổng thể là 6%, tiếp tục duy trì vị thế là một trong những trung tâm

*, **, ***, ****, *****
, Trường Kinh tế - Trường Đại học Vinh

Ngày nhận bài: 03/02/2025; Ngày phản biện: 15/02/2025; Ngày duyệt đăng: 20/02/2025

¹ Công trình này được thực hiện dưới sự tài trợ của đề tài "Nghiên cứu các yếu tố tác động đến thu hút đầu tư vào khu công nghiệp, khu kinh tế ở khu vực Bắc Trung Bộ", mã số B2023-TDV-05.

công nghiệp và công nghệ hàng đầu của Trung Quốc. Thành công của Thâm Quyển trong thu hút đầu tư và phát triển kinh tế mang đến nhiều bài học quý giá mà các khu vực khác có thể học hỏi. Một số kinh nghiệm đáng chú ý bao gồm:

Một là, chính sách ưu đãi mạnh mẽ: Đặc khu kinh tế Thâm Quyển đã áp dụng nhiều chính sách ưu đãi về đất đai, thuế và cơ sở hạ tầng ở mức cao nhất mà Chính phủ cho phép. Các doanh nghiệp đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) trong khu vực này được hưởng thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) ưu đãi từ 10%-15% (so với 30% đối với các doanh nghiệp bên ngoài), có thể miễn hoặc giảm thuế TNDN đối với phần lợi nhuận được dùng để tái đầu tư trong thời gian từ 5 năm trở lên, thuế TNDN với các ngành công nghệ cao được miễn trong một số năm đầu, được giảm 50% trong một số năm tiếp theo (tùy trường hợp)... Đặc khu Kinh tế Thâm Quyển cũng áp dụng các chính sách linh hoạt, cho phép người dân đóng góp vốn bằng quyền sử dụng đất thay vì hu hồi đất, giúp giảm bớt các khó khăn trong khâu đền bù giải phóng mặt bằng (Shen, 2008).

Hai là, vị trí địa lý thuận lợi: Thâm Quyển chỉ cách Hồng Kong khoảng 35 km, tận dụng mối quan hệ kinh tế và thương mại gần gũi với trung tâm tài chính của thế giới và trung tâm thương mại của khu vực. Ngoài ra, Thâm Quyển còn có cảng và lối vào vịnh nước sâu, giúp kết nối các thị trường quốc tế qua đường biển. Từ năm 2010, Thâm Quyển đã trở thành một trong 4 cảng container lớn nhất thế giới, đóng vai trò quan trọng trong vận tải hàng hóa quốc tế, thu hút đầu tư nước ngoài và là nơi thu hút nhiều khách du lịch nhất thế giới (Zeng, 2010).

Ba là, mức độ tự trị địa phương cao và bộ máy hành chính linh hoạt: Thâm Quyển được trao quyền tự trị lớn hơn về chính trị và kinh tế so với các vùng khác ở Trung Quốc, bao gồm: quyền lập pháp, tự quyết trong nhiều lĩnh vực, quản lý kinh doanh, tiền công lao động, lập kế hoạch hoạt động kinh tế với nước ngoài (Zeng, 2010). Chính quyền địa phương được phép đưa ra các chính sách, biện pháp phát triển phù hợp với tình hình thực tế, tạo điều kiện cho sự đổi mới và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Quyền tự chủ cao không chỉ giúp Thâm Quyển linh hoạt hơn trong việc quản lý các hoạt động kinh tế, thương mại quốc tế, mà còn thu hút đầu tư hiệu quả hơn.

Bốn là, môi trường kinh doanh lành mạnh: Môi trường kinh doanh của Thâm Quyển được xây dựng trên hệ thống pháp lý ổn định, hỗ trợ chính sách mạnh mẽ từ chính phủ. Cơ sở hạ tầng tiên tiến tại nơi đây cũng đã được đầu tư mạnh mẽ bao gồm giao thông, viễn thông, các khu công nghệ cao, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động kinh doanh và nghiên cứu phát triển. Thâm Quyển còn chú trọng đến việc bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và tạo niềm tin cho các nhà đầu tư, đảm bảo sự phát triển bền vững của các doanh nghiệp.

Năm là, liên kết và đổi mới công nghệ: Thâm Quyển đã phát triển thành một trung tâm khoa học,

công nghệ cao và đổi mới đô thị, được công nhận là “Thung lũng Silicon của Trung Quốc”. Đây là nơi đặt trụ sở của nhiều công ty công nghệ hàng đầu như Huawei, Tencent, DJI. Chính phủ Trung Quốc đã thực hiện nhiều chính sách, khuyến khích các chuyên gia có trình độ cao, đặc biệt là người Hoa từ nước ngoài quay về làm việc. Thâm Quyển đã trở thành một trung tâm nghiên cứu và phát triển quan trọng, với nhiều công ty công nghệ cao, thúc đẩy hoạt động nghiên cứu và phát triển (R&D). Bên cạnh đó, Đặc khu kinh tế Thâm Quyển cũng tạo điều kiện cho các doanh nghiệp nước ngoài hoạt động tại Trung Quốc, giúp chuyển giao công nghệ và kinh nghiệm quản lý từ các quốc gia phương Tây.

Sáu là, xúc tiến đầu tư hiệu quả: Thâm Quyển đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến đầu tư như xây dựng website đa ngôn ngữ (Hoa, Anh, Nhật) để cung cấp thông tin chi tiết về môi trường đầu tư, các chính sách ưu đãi và các cơ hội đầu tư tại đây. Bên cạnh đó, phát hành sách hướng dẫn đầu tư, xây dựng phim quảng bá nhằm giới thiệu các lợi thế và ưu đãi đầu tư. Chính quyền Thâm Quyển còn thành lập các văn phòng đại diện xúc tiến FDI tại Bắc Mỹ, châu Âu và Nhật Bản nhằm thu hút đầu tư nước ngoài vào khu vực.

Kinh nghiệm của vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ

Vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ gồm 7 tỉnh, thành phố (Hà Nội, Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Quảng Ninh, Hải Dương, Hải Phòng và Hưng Yên), với tổng diện tích tự nhiên toàn vùng là 15.593 km². Vùng này nằm giữa 2 bộ phận lãnh thổ là Đồng bằng sông Hồng và vùng núi Đông Bắc, với 3 cực phát triển là Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh. Đây là khu vực tập trung nhiều khu công nghiệp lớn, thu hút nhiều dự án FDI quan trọng, như: KCN Thăng Long, KCN Sài Đồng, KCN Đại An... Các ngành công nghiệp chủ chốt bao gồm: sản xuất xi măng, đóng tàu, điện tử, ô tô và xe máy. Trong những năm qua, Vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ luôn là khu vực thu hút FDI lớn nhất trong các vùng kinh tế trọng điểm. Những thành công trong việc thu hút đầu tư của vùng kinh tế này có thể được phân tích qua các yếu tố sau:

Thứ nhất, vị trí địa lý thuận lợi: Vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ có vị trí địa lý chiến lược, giáp biên giới với Trung Quốc giúp tạo điều kiện thuận lợi cho thương mại, xuất nhập khẩu hàng hóa. Vùng này còn có nhiều cảng biển quan trọng, như: Cảng Hải Phòng và Cảng Cái Lân (Quảng Ninh), giúp hỗ trợ đắc lực cho hoạt động vận chuyển hàng hóa và thu hút nhiều nhà đầu tư quốc tế.

Thứ hai, cơ sở hạ tầng phát triển: Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ có mạng lưới giao thông kết nối tốt với hệ thống đường sắt Bắc Nam, đường sắt Hà Nội - Hải Phòng, cùng các tuyến đường bộ quan trọng như: Quốc lộ 1, 5, 18, 38 và một số cao tốc, như: Pháp Vân - Ninh Bình, Hạ Long- Vân Đồn... Các sân bay lớn, như: Nội Bài, Cát Bi, cũng góp phần tạo môi trường thuận lợi cho sản xuất và kinh doanh. Nhờ sự hỗ trợ của cơ sở hạ tầng tốt và vị trí chiến lược, vùng này đã trở thành trung tâm của nhiều KCN và khu chế xuất.



Dây chuyền lắp ráp ô tô du lịch tại nhà máy của Công ty cổ phần Ô tô Trường Hải trong Khu kinh tế mở Chu Lai, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam

Thứ ba, chính sách ưu đãi hấp dẫn: Chính phủ đã ban hành nhiều chính sách ưu đãi đầu tư, điển hình là các mức ưu đãi đầu tư đặc biệt, như: ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp gồm thuế suất ưu đãi 9% trong 30 năm, thuế suất ưu đãi 7% trong 33 năm, thuế suất ưu đãi 5% trong 37 năm; miễn giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước... giúp thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước.

Thứ tư, lực lượng lao động dồi dào và chất lượng cao: Vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ có lực lượng lao động lớn với 8.872,2 nghìn người trong độ tuổi lao động từ 15 tuổi trở lên vào năm 2023; trong đó, tỷ lệ lao động qua đào tạo là 36,68% cao hơn mức trung bình cả nước là 27,2%. Hà Nội và Quảng Ninh là những địa phương có tỷ lệ lao động qua đào tạo cao nhất, lần lượt là 50,8% và 41,9%. Điều này tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển các ngành công nghiệp cao và các khu công nghệ cao.

Thứ năm, môi trường kinh doanh tốt: Tính minh bạch giúp ổn định của môi trường kinh doanh, cùng với sự hỗ trợ từ cơ quan chính phủ đã giúp thu hút nhiều nhà đầu tư. Theo chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), tính minh bạch của các tỉnh trong Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ năm 2023 đạt mức cao, đặc biệt Quảng Ninh (6,82); Bắc Ninh (6,68) và Hà Nội (6,45). Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp của vùng này cũng được đánh giá cao, với Quảng Ninh (7,72); Hải Phòng (7,4) và Hà Nội (7,38).

Kinh nghiệm của vùng Kinh tế trọng điểm Phía Nam

Vùng Kinh tế trọng điểm phía Nam là một trong những khu vực phát triển kinh tế năng động nhất của Việt Nam. Khu vực này bao gồm 8 tỉnh và thành phố: TP. Hồ Chí Minh, Tiền Giang, Đồng Nai, Bình Dương, Bà Rịa - Vũng Tàu, Bình Phước, Tây Ninh, Long An. Mặc dù chỉ chiếm 8% diện tích và 17% dân số, nhiều năm qua, Vùng này đóng góp hơn 40% GDP cả nước, chiếm khoảng 40% giá trị kim ngạch xuất khẩu, thu ngân sách chiếm hơn 44% tổng thu ngân sách của cả

nước và thu hút 56% số dự án cùng 45% số vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam (Anh Thư, 2023).

Vùng kinh tế này là nơi tập trung số lượng các khu công nghiệp lớn, thu hút các dự án đầu tư nước ngoài hàng đầu cả nước. Đặc biệt, khu vực có sự hiện diện của khu công nghệ cao, khu chế xuất Tân Thuận và Linh Trung, cùng hàng chục KCN lớn như: Việt Nam - Singapore, Mỹ Phước (Bình Dương), Tân Tạo, Vĩnh Lộc (TP. Hồ Chí Minh), Biên Hòa, Nhơn Trạch và Loteco (Đồng Nai). Khu vực này tập trung vào sản xuất, lắp ráp các sản phẩm điện, điện tử; công nghiệp chế biến chế tạo, kinh tế số. Các yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến việc thu hút đầu tư vào vùng Kinh tế trọng điểm phía Nam bao gồm:

(i) *Vị trí địa lý kinh tế độc đáo:* Vùng Kinh tế trọng điểm phía Nam nằm trên các trục giao thông quan trọng của quốc gia, khu vực và quốc tế, với sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất là cửa ngõ giao thương chính của vùng. Khu vực này có nhiều cửa ngõ thuận lợi, bao gồm: đường sông, đường sắt, đường biển và đường hàng không. Cụm cảng Cảng Sài Gòn, cảng Thị Vải tại Bà Rịa Vũng Tàu, cụm cảng container Cát Lái và Hiệp Phước là những cảng biển quan trọng của vùng và cả nước. Với vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng, vùng kinh tế này có đủ điều kiện và lợi thế để phát triển các ngành công nghiệp mũi nhọn, dẫn đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa của cả nước.

(ii) *Vùng thực hiện các chính sách ưu đãi đặc biệt để thu hút đầu tư.* Chính quyền địa phương tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp thông qua việc đơn giản hóa các thủ tục hành chính, cung cấp hỗ trợ pháp lý và thuế, cũng như triển khai nhanh chóng các chính sách đầu tư một cách minh bạch và rõ ràng.

(iii) *Chất lượng nguồn nhân lực:* Vùng này có nguồn nhân lực dồi dào, giá rẻ, là yếu tố hấp dẫn để thu hút các doanh nghiệp có trình độ công nghệ cao và thâm dụng lao động. Hệ thống mạng lưới giáo dục được quy hoạch và điều chỉnh gắn liền với kế hoạch

phát triển kinh tế- xã hội của vùng, giúp cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ cho yêu cầu công nghiệp hóa - hiện đại hóa. Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh là một trong những trung tâm đào tạo, nghiên cứu cùng với các trường cung ứng nguồn nhân lực cho khu vực. Địa phương Đồng Nai đã ký kết thỏa thuận hợp tác với các trường đại học trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh về hợp tác phát triển khoa học và công nghệ.

(iv) *Chất lượng dịch vụ công*: Chất lượng dịch vụ công trong Vùng thể hiện qua việc giải quyết nhanh chóng và hiệu quả các thủ tục hành chính cần thiết cho hoạt động đầu tư và sản xuất, kinh doanh. Nhà nước hỗ trợ doanh nghiệp tại các khu vực có lợi thế, mà doanh nghiệp khó có khả năng tự tiếp cận, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển bền vững.

(v) *Tổ chức liên kết vùng*: Liên kết vùng nhằm thu hút đầu tư theo tư tưởng của tái cơ cấu kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng là một nhiệm vụ quan trọng trong phát triển kinh tế. Các địa phương trong vùng đã phối hợp chặt chẽ để phân công và hợp tác trong phát triển các ngành nghề, kêu gọi đầu tư trên quy mô vùng. Tổ chức các cuộc họp để phân công và phối hợp trong phát triển các ngành nghề, khu vực và kêu gọi đầu tư trên quy mô vùng. Điều này bao gồm sự phối hợp trong xúc tiến đầu tư, huy động và phân bổ nguồn lực, cung cấp thông tin và xây dựng cơ sở dữ liệu kinh tế - xã hội phục vụ công tác dự báo và bảo vệ môi trường. TP. Hồ Chí Minh, trung tâm kinh tế, công nghiệp, thương mại, dịch vụ và khoa học kỹ thuật của cả nước, đóng vai trò đầu mối trong các hoạt động liên kết vùng này.

BÀI HỌC NGHIỆM VỀ THU HÚT ĐẦU TƯ VÀO KCN, KKT CHO CÁC TỈNH BẮC TRUNG BỘ

Từ phân tích kinh nghiệm thu hút đầu tư vào các KCN, KKT của trong và ngoài nước, có thể rút ra một số bài học quan trọng cho KCN, KKT của các tỉnh Bắc Trung Bộ như sau:

Phát triển cơ sở hạ tầng: Một bài học quan trọng từ các quốc gia như: Trung Quốc, Singapore là cơ sở hạ tầng phải được xây dựng đồng bộ và tiện lợi để thu hút đầu tư. Vùng Bắc Trung Bộ cần tập trung phát triển mạng lưới giao thông, như: đường sắt, đường bộ, hệ thống sân bay (Thọ Xuân, Vinh, Đồng Hới, Phú

Bãi) và các bến cảng (Nghị Sơn, Cửa Lò, Sơn Dương-Vũng Áng, Nhật Lệ, Hòn La...). Ngoài ra, việc quản lý đất đai cần được nâng cao, đặc biệt là trong các khu công nghiệp, nhằm giảm thiểu tình trạng quy hoạch và dự án treo. Chất lượng quy hoạch cần đảm bảo tầm nhìn dài hạn và khả năng kết nối giữa các khu công nghiệp với khu đô thị dịch vụ và thương mại.

Môi trường kinh doanh thuận lợi: Các chính sách ưu đãi như: giảm thuế, hỗ trợ đất đai, nguồn nhân lực và tài nguyên môi trường cần được triển khai để thu hút các dự án công nghệ cao và hiện đại hóa sản xuất trong các KCN, KKT. Các tỉnh trong Vùng cũng cần phát triển những chính sách riêng biệt, phù hợp với đặc thù địa phương mà vẫn đảm bảo an ninh, môi trường sinh thái và lợi ích quốc gia. Đồng thời, nhằm điều hòa lợi ích giữa Nhà nước, doanh nghiệp kinh doanh hạ tầng và doanh nghiệp thuê đất.

Cải cách hành chính: Học tập từ các tỉnh vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, cải cách hành chính là yếu tố then chốt giúp giảm chi phí và tạo thuận lợi cho các nhà đầu tư. Các tỉnh vùng Bắc Trung Bộ cần đơn giản hóa thủ tục hành chính, đẩy mạnh chuyển đổi số và làm việc trực tuyến, tăng cường đối thoại trực tiếp giữa cơ quan quản lý và doanh nghiệp để kịp thời giải quyết khó khăn. Việc cấp phép cần được thực hiện nhanh chóng, đồng thời duy trì công tác giám sát, kiểm tra, thanh tra nhằm đảm bảo hoạt động của doanh nghiệp tuân thủ pháp luật.

Liên kết vùng chặt chẽ: Các tỉnh trong vùng Bắc Trung Bộ cần thúc đẩy liên kết vùng để phát huy lợi thế cạnh tranh và phân bổ hợp lý các dự án đầu tư, đặc biệt là các dự án FDI. Việc định hướng đầu tư cần tập trung vào quy hoạch các KCN chuyên ngành mũi nhọn và xây dựng chuỗi các KCN phụ trợ, tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển bền vững của Vùng.

Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực: Vùng Bắc Trung Bộ có lực lượng lao động đông đảo và giá rẻ, là yếu tố hấp dẫn đối với các nhà đầu tư muốn giảm chi phí sản xuất. Tuy nhiên, để thu hút được nhiều hơn nữa nguồn đầu tư vào các KCN, KKT cần phải nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Kết nối với các trường đại học, cao đẳng trong vùng để đào tạo và nâng cao kỹ năng cho lao động, đáp ứng nhu cầu của các doanh nghiệp hiện đại, giúp người lao động thích nghi với công việc và nâng cao năng suất lao động. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Anh Thư (2023), *FDI với vùng kinh tế Đông Nam bộ*, truy cập từ <https://www.sggp.org.vn/fdi-voi-vung-kinh-te-dong-nam-bo-post677344.html>.
2. Nguyễn Thúc (2023), *Thúc đẩy hợp tác giữa Hà Nội và Thanh Hóa (Trung Quốc) về môi trường và công nghệ cao*, truy cập từ <https://hanoimoi.vn/thuc-day-hop-tac-giua-ha-noi-va-tham-quyen-trung-quoc-ve-moi-truong-va-cong-nghe-cao-642268.html>.
3. Shen, J. (2008), Urban growth and sustainable development in Shenzhen city 1980-2006, *Open Environmental Sciences*, 2(1), 71-79.
4. Zeng, D. Z. (2010), Building engines for growth and competitiveness in China: Experience with special economic zones and industrial clusters, *Regional Studies*, 45.